TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST Ngày: 17-5-2024. *V/v: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch.

2. Ông Tạ Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 986/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Thôn T, Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1977.

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Thôn T, Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà và ông Lê Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND xã

B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 135/BS ngày 08/12/2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông B thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, chơi số đề, vay tiền của người khác buộc bà phải trả nợ nhiều lần; vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gây gỗ. Hai vợ chồng đã được gia đình 02 bên hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Nay tình cảm của bà đối với ông Lê Văn B đã hết nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 (hai) con chung là cháu Lê Phạm Anh T, sinh ngày 28/7/2002 và cháu Lê Phạm Anh T1, sinh ngày 11/10/2007. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, tạm thời không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là cháu Lê Phạm Anh T, sinh năm 2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Văn B trình bày: Ông và bà Phạm Thị H tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 135/BS ngày 08/12/2000. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cải nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương yêu vợ con và mong muốn vợ chồng về sống đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Ông và bà H có 02 (hai) con chung là cháu Lê Phạm Anh T, sinh ngày 28/7/2002 và cháu Lê Phạm Anh T1, sinh ngày 11/10/2007. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà H ly hôn ông đồng ý giao cháu T1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu. Đối với cháu Lê Phạm Anh T, sinh năm 2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị H. Cho bà H được ly hôn với ông Lê Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Anh T1, sinh ngày 11/10/2007 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Văn B không có nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu. Đối với cháu Lê Phạm Anh T, sinh năm 2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Bà H và ông B khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà H phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Nguyên đơn bà Phạm Thị H và bị đơn ông Lê Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Lê Văn B tự nguyện kết hôn với nhau năm 2000 và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà H và ông B xác định vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến cãi vã xung đột không hòa giải được. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng, tuy nhiên bà H yêu cầu ly hôn thì ông B không đồng ý vì ông B còn yêu thương vợ con và mong muốn vợ chồng về chung sống đoàn tụ với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các bên nhưng bà H cương quyết ly hôn với ông B; ông B không đến Tòa án để tham gia hòa giải, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông B có 02 con chung là cháu Lê Phạm Anh T, sinh ngày 28/7/2002 và cháu Lê Phạm Anh T1, sinh ngày 11/10/2007. Ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Xét thấy cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với bà H. Quá trình giải quyết vụ án, ông B trình bày trường hợp Tòa án giải quyết cho ông B và bà H ly hôn thì ông đồng ý giao cháu T1

cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Lê Phạm Anh T1, sinh ngày 11/10/2007 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đối với cháu Lê Phạm Anh T, sinh năm 2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà H và ông B khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Lê Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Anh T1, sinh ngày 11/10/2007 cho bà Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Lê Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Lê Phạm Anh T, sinh năm 2002 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Lê Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà H và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà H và ông B khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0007598 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị H, ông Lê Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 135/BS ngày 08/12/2000);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm